

VIỆT BẮC

(Trích – TỐ HỮU)

I – BÀI TẬP

1. Trong đoạn trích bài thơ *Việt Bắc* có bao nhiêu từ "nhớ" ? Từ hoàn cảnh sáng tác bài thơ, hãy lí giải sự xuất hiện dày đặc của từ "nhớ" đã định hướng như thế nào cho người đọc khi tìm hiểu đoạn trích.
2. Sử dụng kết cấu đối đáp và sáng tạo hai nhân vật trữ tình "mình", "ta", tác giả đã đạt được hiệu quả như thế nào trong việc biểu hiện tư tưởng, cảm xúc ở bài thơ *Việt Bắc* ?
3. Ở đoạn thơ từ câu 25 đến câu 52, Việt Bắc hiện lên với những hình ảnh nào trong nỗi nhớ của người cán bộ kháng chiến ? Những hình ảnh hiện về trong nỗi nhớ có theo một trình tự nào không và nếu có thì đó là trình tự gì ?
4. Chọn bình giảng một đoạn khoảng tám đến mười câu thơ trong đoạn trích bài thơ *Việt Bắc* (ví dụ : từ câu 9 đến câu 16, từ câu 35 đến câu 42, từ câu 43 đến câu 52).
5. Bài tập nâng cao, sách giáo khoa, trang 88.

II – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Bài thơ được Tố Hữu viết ngay sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp vừa kết thúc, các cơ quan Trung ương của Đảng và Chính phủ rời Việt Bắc về Hà Nội. Nhà thơ cũng là một trong số những cán bộ kháng chiến từng sống, gắn bó nhiều năm với Việt Bắc, nay từ biệt chiến khu để về xuôi. Tình cảm lưu luyến của tác giả với Việt Bắc cũng là tình cảm những người cán bộ miền xuôi đối với nhân dân Việt Bắc. Trong dòng tình cảm lưu luyến ấy, mọi hình ảnh, cảnh vật, sự kiện, con người của Việt Bắc trong những năm tháng cách mạng và kháng chiến đã trở thành nỗi nhớ thiết tha. Bài thơ *Việt Bắc*, đặc biệt là phần đầu, vì thế đã xuất hiện dày đặc từ "nhớ", đó chính là nỗi nhớ hiện ra thành lời, thành hình ảnh trên từng dòng thơ. (Học sinh tự thống kê số lần xuất hiện từ "nhớ" trong phần trích bài thơ ở sách giáo khoa).

Việc xuất hiện dày đặc từ "nhớ" đã định hướng cho người đọc khi tìm hiểu bài thơ. Mọi hình ảnh, sự việc, con người được tái hiện trong bài thơ đều đã trở thành kỉ niệm đầy ân tình, thắm thiết, sâu nặng đối với nhà thơ. Phân tích bài thơ, vì thế

không phải chỉ để thấy bức tranh hiện thực về Việt Bắc trong cuộc kháng chiến, mà còn phải cảm nhận được tình cảm, cảm xúc rất chân thành, tha thiết của tác giả, khiến bài thơ trở thành một "khúc hát ân tình thuỷ chung".

2. Cách sử dụng kết cấu đối đáp và sáng tạo hai nhân vật trữ tình trong bài thơ *Việt Bắc*

– Lối kết cấu đối đáp trong ca dao trữ tình đã được vận dụng hết sức thích hợp vào bài *Việt Bắc*. Kết cấu ấy giúp nhà thơ tạo được không khí tâm tình để hai nhân vật trữ tình (người ở lại và người ra đi, đồng bào Việt Bắc và người cán bộ kháng chiến) có thể giải bày tâm sự, trò chuyện, hỏi đáp, trao gửi tình cảm. Nhưng đối đáp ở đây thực chất là để cùng thể hiện một nỗi niềm, để khắc sâu thêm một tình cảm thống nhất giữa người ở và kẻ về, giữa nhân dân với cách mạng. Vì thế, đối đáp trong bài thơ lại là sự hô ứng, đồng vọng của cả hai phía.

– Cùng với lối kết cấu đối đáp, tác giả cũng vận dụng sáng tạo hai đại từ "mình" và "ta" vốn rất quen thuộc trong ca dao, dân ca. Trong bài thơ, "mình" thường để chỉ ngôi thứ hai, đối tượng trò chuyện, còn "ta" là để chỉ chính mình – ngôi thứ nhất. Nhưng ở nhiều chỗ, hai đại từ ấy có sự chuyển hoá, hoán vị và có lúc nhập làm một. Việc sử dụng hai đại từ này đã góp phần đáng kể để thể hiện tình cảm gắn bó, thống nhất của cách mạng với nhân dân, qua sự gắn bó của người cán bộ kháng chiến với đồng bào Việt Bắc. Đó cũng chính là cốt lõi tư tưởng của bài thơ.

3. Từ câu 25 đến câu 52 của bài thơ có rất nhiều hình ảnh về Việt Bắc được tái hiện và dường như không theo một trình tự nào. Đó cũng là hợp quy luật của tâm trạng hồi tưởng, vì đây không phải là nhớ lại một câu chuyện mà là những hình ảnh về cảnh vật, con người, sinh hoạt, nên không nhất thiết phải theo một trình tự thời gian hoặc không gian. Nhưng đọc kĩ đoạn thơ, cũng có thể nhận thấy các hình ảnh được tái hiện tạo thành từng mảng và do đó cũng có một trình tự nhất định.

Từ câu 25 đến câu 30 là những hình ảnh về thiên nhiên Việt Bắc gắn liền với bóng dáng và kỉ niệm về "người thương". Thiên nhiên được gợi tả qua những hình ảnh đẹp : "Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương", qua những địa danh : "ngòi Thia", "sông Đáy", "suối Lê" và qua những hình ảnh liệt kê : "tùng bản", "tùng rừng nứa bờ tre".

Tiếp đó, sau hai câu có tính khái quát về sự gắn bó giữa người cán bộ với Việt Bắc : "Ta đi ta nhớ những ngày - Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi...", là những hình ảnh cụ thể, những kỉ niệm về con người và cuộc sống ở Việt Bắc, về những sinh hoạt kháng chiến cùng với những cảnh thường nhật trong đời sống của đồng bào Việt Bắc. Các hình ảnh ấy đan cài, xen kẽ, hiện lên dường như bất chợt

trong kí ức. Điều đó cũng tạo nên tính chân thật và tự nhiên của sự hồi tưởng. Hơn nữa, cũng đúng như trong thực tế đời sống, cảnh sinh hoạt thường nhật (tiếng mõ trâu buổi chiều, tiếng cối giã gạo ngoài bờ suối,...) cùng đan cài với những cảnh sinh hoạt kháng chiến (lớp học bình dân, cơ quan, những đêm liên hoan,...).

Trong mười câu cuối (từ câu 43 đến câu 52), nỗi nhớ làm hiện lên bức tranh tứ bình về Việt Bắc trong bốn mùa với vẻ đẹp nhiều sắc màu của các loài hoa rừng, của thiên nhiên hòa hợp với con người Việt Bắc trong lao động và sinh hoạt.

4. Gợi ý bình giảng đoạn thơ từ câu 43 đến câu 52 : Đoạn thơ gồm mười câu tập trung miêu tả vẻ đẹp của Việt Bắc qua những hình ảnh về "hoa và người". Hai dòng mở đầu giống như những câu mở đoạn, định hướng khai triển cho cả đoạn : "Ta về ta nhớ những hoa cùng người". Tám câu tiếp theo được chia thành bốn cặp lục bát đều đặn, dựng lên bốn bức tranh đẹp như một bộ tranh tứ bình về cảnh và người Việt Bắc.

Cũng là thiên nhiên rừng núi Việt Bắc, nhưng nhờ sự quan sát và bằng tình cảm yêu mến tha thiết, nhà thơ đã tái hiện và tạo dựng được những vẻ đẹp khác nhau, hiện ra trong những thời khắc khác nhau. Mỗi bức tranh là một vẻ đẹp với hình ảnh, sắc màu, đường nét riêng. Điều đáng nói nữa là ở đây cảnh luôn gắn bó với người, hình ảnh và hoạt động của con người làm cho cảnh thiên nhiên không hoang vắng mà trở nên sinh động, gần gũi, dù vẫn là những vẻ đẹp rất nguyên sơ.

– *Bức tranh thứ nhất* : nổi bật trên màu xanh lam của núi rừng là màu đỏ tươi của hoa chuối rừng, làm cho sắc màu rừng núi không đơn điệu. Nếu màu đỏ tươi của hoa chuối tạo thành điểm sáng và ấm của thiên nhiên núi rừng, thì ánh lấp loáng phản chiếu tia nắng trên con dao gài ở thắt lưng của người đi rừng lại là chi tiết sống động nhất của bức tranh đèo cao ở câu thơ tiếp theo.

– *Các câu 47, 48* là bức tranh rừng núi mùa xuân mà nổi bật là màu trắng của hoa mơ, tạo thành gam màu sáng, trong trẻo của bức tranh. Trên cái nền đó, là hình ảnh con người với công việc và động tác cũng rất đẹp, gợi chất thơ : người đan nón với những động tác khéo léo, nhẹ nhàng "chuốt từng sợi giang".

– *Các câu 49, 50* là bức tranh mùa hè với sự phối hợp cả màu sắc và âm thanh : "Ve kêu rừng phách đổ vàng". Trên đó là hình ảnh rất gợi cảm, dễ thương của con người miền núi : "cô em gái hái măng một mình".

– *Hai câu thơ cuối* đoạn là bức tranh đẹp của mùa thu với ánh trăng dịu dàng, trong trẻo, thanh bình. Trong cảnh trăng rừng đêm thu rất nên thơ ấy, ngân lên tiếng hát ân tình của người Việt Bắc, và đó cũng là khúc hát ân tình của chính nỗi lòng tác giả.

5. Trước hết, cần hiểu "phong vị dân gian" là gì ? "Phong vị" thường được hiểu như là nét riêng, đặc điểm riêng tạo nên sắc thái riêng có sức hấp dẫn của một sự vật, hiện tượng. "Phong vị dân gian" của một bài thơ là chất ca dao, dân ca trong bài thơ đó, tạo nên sắc thái riêng của bài thơ. Phong vị ấy được tạo thành từ chất liệu hình ảnh, các mô típ, ngôn từ, lối diễn đạt,... gắn gũi với ca dao, hoặc lấy thẳng từ ca dao. Nhưng phong vị được tạo nên không chỉ bằng chất liệu hình thức, mà quan trọng hơn là tâm hồn, điệu cảm xúc của tác giả có sự gắp gỡ, tiếp nối với truyền thống ca dao, dân ca.

Ở bài *Việt Bắc* của Tố Hữu, phong vị dân gian được thể hiện ở các phương diện và yếu tố sau :

– Cách kết cấu theo lối đối đáp của ca dao, dân ca, đặc biệt là ca dao về đề tài tình yêu đôi lứa.

– Nhiều hình ảnh gắn gũi với ca dao hoặc được gọi ra từ những hình ảnh của ca dao, với cách biểu đạt quen thuộc của dân gian. Ví dụ : "Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?", "Nước trôi lòng suối chẳng trôi - Mây đi mây lại có hồi về non - Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn", "mái đình", "cây đa",....

– Ngôn ngữ, các biện pháp chuyển nghĩa, cách miêu tả, biểu cảm ở nhiều chỗ phảng phất hoặc đậm chất ca dao. Ví dụ "Mình về, rừng núi nhớ ai - Trám bùi để rụng, măng mai để già", "Ta với mình, mình với ta - Lòng ta sau trước mặn mà định ninh", "Mình đi, mình lại nhớ mình - Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu",....

– Nhưng "phong vị dân gian" của bài *Việt Bắc* còn ở chiều sâu của tình cảm, cảm xúc, ở điệu tâm hồn nhà thơ. Nghĩa tình sâu nặng, thuỷ chung, gắn bó giữa cách mạng và nhân dân, giữa người cán bộ và đồng bào Việt Bắc, giữa nhân dân với lãnh tụ, giữa hiện tại với quá khứ,... trong bài thơ đã gắp gỡ và tiếp nối truyền thống coi trọng nghĩa tình, đề cao ơn nghĩa, thuỷ chung của nhân dân, của dân tộc, đã được thể hiện sâu đậm trong ca dao, dân ca.